

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2013
VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2014**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân thị xã Hương Trà

Căn cứ quy định của Luật NSNN và Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân thị xã về dự toán NSNN năm 2013; trên cơ sở thẩm định, tổng hợp báo cáo từ các phường, xã và các đơn vị trực thuộc UBND thị xã; tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng Nhân dân thị xã.

Ủy ban Nhân dân thị xã trình Hội đồng Nhân dân thị xã Báo cáo Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 và phương án phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2013

Triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND thị xã về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; đồng thời năm 2013 là năm thứ ba thực hiện ổn định ngân sách địa phương thời kỳ 2011-2015. UBND thị xã đã chỉ đạo các cơ quan, ban ngành, địa phương triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013; tăng cường công tác quản lý điều hành ngân sách nhà nước trên địa bàn. Từ đó, tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2013 của thị xã đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

I. Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

1. Về kết quả thu ngân sách nhà nước: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thị xã ước đạt 131,059 tỷ đồng, bằng 100,1% dự toán tình giao, bằng 96,3% dự toán Hội đồng nhân dân thị xã giao và tăng 16% so với cùng kỳ năm trước.

Bao gồm các khoản thu chủ yếu như sau:

- Thu thuế khu vực ngoài quốc doanh: Ước đạt 24 tỷ đồng, bằng 90,5% so dự toán giao.
- Thu lệ phí trước bạ: Ước đạt 5,443 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán giao.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Ước đạt 286 triệu đồng, bằng 168,2% so với dự toán tình giao, bằng 100% dự toán thị xã giao.
- Thuế thu nhập cá nhân: Ước đạt 2,121 tỷ đồng, bằng 100% so với dự toán giao
- Tiền thuê đất: Ước đạt 300 triệu đồng, bằng 59,4% so với dự toán giao.
- Tiền sử dụng đất: Ước đạt 43,5 tỷ đồng, bằng 109% so dự toán tình giao, bằng 96,6% so dự toán HĐND thị xã giao, tăng 19,7% so cùng kỳ năm trước.

- Thu thường xuyên tại phường, xã: Ước đạt 3,5 tỷ đồng, bằng 86,4% so dự toán tình giao.

- Thu phí và lệ phí: Ước đạt 960 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán giao.

-Các khoản Cục thuế thu trên địa bàn có phân chia ngân sách thị xã: Ước đạt 45,6 tỷ đồng, bằng 100% dự toán giao

-Các khoản thu quản lý qua ngân sách nhà nước: Ước đạt 4,8 tỷ đồng, bằng 100% dự toán giao.

(Có bảng chi tiết kèm theo)

2. Đánh giá những kết quả đạt được trong công tác điều hành và quản lý thu ngân sách năm 2013:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2013, dự kiến các khoản thu sẽ phần đầu đạt dự toán tình giao, các khoản thu đạt thấp so với dự toán giao như thuế ngoài quốc doanh, thu tiền sử dụng đất, thu thường xuyên tại phường, xã, thu khác ngân sách...

-Thu ngoài Quốc doanh:

Nguồn thu do thị xã trực tiếp thu: Ước đạt 24 tỷ đồng, bằng 90,2% so dự toán; nguồn thu do Cục thuế trực tiếp quản lý thu: ước đạt 45,639 tỷ đồng, bằng 100% dự toán giao, nguyên nhân do nền kinh tế xã hội vẫn tiếp tục gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng của khu vực ngoài quốc doanh của những tháng đầu năm còn chậm, kê khai thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp thấp; trong năm có trên 70 doanh nghiệp kê khai thuế bằng không. Nguồn thu thuế ngoài quốc doanh đạt được chủ yếu là từ nguồn giảm thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, nợ thuế năm 2012 chuyển sang và nguồn thu thuế vãng lai

-Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất: dự kiến đạt 43,5 tỷ đồng, bằng 109% dự toán tình giao, bằng 96,6% dự toán thị xã phần đầu, nhưng chủ yếu là nguồn từ năm trước chuyển sang và nguồn ghi thu, ghi chi theo Quyết định của tỉnh 9,012 tỷ đồng; nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất chỉ đạt khoảng 30 tỷ đồng, bằng 75% dự toán tình giao và bằng 66,6% dự toán thị xã phần đầu. Trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất, mặc dù UBND thị xã đã quyết liệt trong việc chỉ đạo điều hành việc quy hoạch phân lô, tổ chức đấu giá nhưng nguồn thu vẫn không đạt như mong muốn; nguyên nhân chính là do thị trường bất động sản về nhà đất có chiều hướng chững lại, việc đấu giá quyền sử dụng đất để tăng nguồn thu rất là rất khó khăn.

-Nguồn thu thường xuyên tại xã ước đạt 3,5 tỷ đồng, bằng 86,4% dự toán giao; đối với nguồn thu này, UBND thị xã đã chỉ đạo các phường, xã tăng cường công tác quản lý và điều hành nguồn thu này có hiệu quả trên cơ sở quỹ đất công ích và hoa lợi công sản ở địa phương; tập trung nguồn thu vào ngân sách nhà nước; tích cực khai thác nguồn thu khác ngân sách tại địa phương theo đúng quy định của Luật NSNN. Tuy nhiên do quỹ đất công ích hằng năm giảm do chuyển đổi mục đích để đưa vào đấu giá quyền sử dụng đất..., đồng thời dự toán giao khá cao nên không đạt kế hoạch;

-Thu khác ngân sách: Ước đạt 500 triệu đồng, bằng 71,4% dự toán giao. Nguồn thu này chủ yếu là thanh lý tài sản và tịch thu sung công quỹ nhà nước

- Nguồn thu Cục thuế thu trên địa bàn có phân chia ngân sách thị xã: Ước thực hiện đạt 45,6 tỷ đồng, bằng 100% dự toán giao. Tuy nhiên việc hoàn thành dự toán nguồn thu này phụ thuộc vào khả năng thu của Cục thuế tỉnh; đồng thời năm 2013, UBND tỉnh có văn bản điều tiết một số doanh nghiệp có số thu tương đối lớn là Công ty cổ phần HD (thủy điện Hương Điền) và Công ty cổ phần thủy điện Bình Điền chuyển sang theo dõi và hạch toán điều tiết phân chia ngân sách tỉnh hưởng 100%.

Kết quả thu ngân sách trên địa bàn thị xã như đã nêu trên sẽ ảnh hưởng đến việc đảm bảo nguồn cân đối các nhiệm vụ chi để phát triển kinh tế xã hội năm 2013. UBND thị xã sẽ tiếp tục chỉ đạo các ngành, các địa phương tiếp tục tăng cường thu ngân sách, chống thất thu, thu hồi nợ đọng, đồng thời kết hợp với các biện pháp tài chính nhằm thực hiện mục tiêu thu ngân sách nhà nước năm 2013; kiến nghị UBND tỉnh, sở Tài chính bổ sung phần hụt thu phần Cục thuế thu trên địa bàn và phần điều tiết các doanh nghiệp có số thu lớn sang ngân sách tỉnh hưởng 100%, để đảm bảo nguồn cân đối cho các nhiệm vụ chi ngân sách địa phương. Đồng thời UBND thị xã cũng sẽ chỉ đạo các ngành, các địa phương chủ động phương án sử dụng dự phòng ngân sách, giảm chi ngân sách trong trường hợp thu ngân sách nhà nước không đạt dự toán

II. Tình hình thu quỹ An ninh quốc phòng.

Dự kiến thu quỹ Quốc phòng An ninh năm 2013 ước đạt 363,5 triệu đồng, bằng 117,7% so với dự toán được giao.

(Có chi tiết kèm theo)

III. Tình hình chi ngân sách trên địa bàn

1. Kết quả chi ngân sách:

Ước tổng chi ngân sách trên địa bàn thị xã là 323,6 tỷ đồng, bằng 136,4% so dự toán giao, bằng 100,5% so với cùng kỳ năm trước.

Gồm: Chi đầu tư phát triển: 67,2 tỷ đồng

Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 251,6 tỷ đồng

Chi quản lý qua NSNN: 4,8 tỷ đồng

(Có chi tiết kèm theo)

Lý do tăng chi là do trong năm đã bổ sung ngoài dự toán từ nguồn năm trước chuyển sang để tăng cường cơ sở vật chất trang thiết bị làm việc, kinh phí thực hiện các chế độ chính sách và một số nhiệm vụ đột xuất cho các ngành, các địa phương; nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu của tỉnh cũng đã được phân bổ, đảm bảo vốn triển khai thực hiện như kinh phí tiền điện cho hộ nghèo, kinh phí thực hiện ND số 49/ND-CP, kinh phí phụ cấp thâm niên nhà giáo, kinh phí tăng cường cơ sở vật chất trường học, kinh phí tiền lương và các khoản có tính nhất lương theo ND số 66/ND-CP ...

Trong quản lý và điều hành ngân sách các đơn vị, địa phương sử dụng ngân sách đã thực hiện khá tốt quy chế công khai việc sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước từ khâu phân bổ dự toán đến quyết toán ngân sách nhà nước; bên cạnh đó, UBND thị xã đã chỉ đạo các cơ quan thực hiện nghiêm việc tiết kiệm 20% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) để thực hiện cải cách tiền lương, an sinh xã hội, tiếp tục thực hiện tiết kiệm thêm 10%

dự toán chi thường xuyên còn lại của 7 tháng cuối năm, tiết giảm tối đa chi phí điện, nước, điện thoại, văn phòng phẩm, xăng dầu, chi phí lễ hội, hội nghị, công tác phí...

Thực hiện ND số 130/2005/ND-CP về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; ND số 43/2006/ND-CP, nhìn chung các cơ quan, đơn vị đều có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu để tăng thu nhập, tuy nhiên việc thực hiện khoản chi chủ yếu mới thực hiện khoản chi về nguồn kinh phí, chưa chú ý thực hiện khoản để tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy hoạt động.

Chi đầu tư phát triển và chương trình mục tiêu quốc gia: Ước đạt 67,2 tỷ đồng, chủ yếu là chi cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, trả nợ vốn đầu tư các công trình quyết toán hoàn thành và thanh toán khối lượng hoàn thành của các nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới, kiến thiết thị chính.

Nhìn chung, chi ngân sách cơ bản đáp ứng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh và an sinh xã hội.

2. Đánh giá kết quả đạt được và tồn tại trong công tác quản lý và điều hành chi ngân sách năm 2013:

2.1. Đối với thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng cơ bản:

UBND thị xã đã chỉ đạo các ngành Tài chính Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị, Ban Đầu tư và Xây dựng, UBND các phường, xã cùng phối hợp để rà soát, kiểm tra cụ thể từng dự án, công trình để trên cơ sở đó chủ động điều chỉnh kế hoạch vốn từ các dự án, công trình không có khả năng thực hiện cho các dự án có khả năng thực hiện vượt kế hoạch nhưng thiếu vốn. Đồng thời chỉ đạo các Chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục đầu tư, nghiệm thu khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán và làm thủ tục thanh toán vốn với Kho bạc nhà nước theo quy định. Năm 2013, một số công trình XD/CB được đầu tư từ nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất, do nguồn thu này khó khăn nên đến tháng 7 mới có nguồn vốn phân bổ để các đơn vị triển khai thực hiện, nhưng việc giải ngân vốn chưa thực hiện được do thực hiện Công văn số 12067/BTC-HCSN ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính về việc điều hành chi ngân sách nhà nước năm 2013.

Dự kiến khối lượng thực hiện và vốn thanh toán đến 31/12/2013 đạt trên 80% kế hoạch vốn được giao.

2.2. Đối với thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên:

Trên cơ sở dự toán UBND tỉnh và HĐND thị xã giao, UBND thị xã đã giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị, các phường xã; công khai dự toán ngân sách theo đúng quy định hiện hành; đã chỉ đạo ngành tài chính, Kho bạc nhà nước, các ngành, UBND các phường xã tập trung điều hành chi ngân sách năm 2013 chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả; đảm bảo và đáp ứng được việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương và hoạt động của bộ máy quản lý hành chính nhà nước; triển khai thực hiện Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 24/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2013; Công văn số 12067/BTC-HCSN ngày 10/9/2013 của Bộ Tài chính về việc điều hành chi ngân sách nhà nước năm 2013; chỉ thị số 36/CT-UBND ngày 27/12/2012 của UBND

tình về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội năm 2013.

2.3. Đối với công tác quyết toán:

- **Đối với công tác quyết toán ngân sách nhà nước:** Đã hoàn thành công tác tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 2012, trình HĐND thị xã phê duyệt.

- **Đối với công tác quyết toán vốn các công trình đầu tư xây dựng:** Trong năm đã thẩm tra, phê duyệt được 65 công trình, giá trị phê duyệt giám so với giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán là 144,474 triệu đồng. Nhìn chung, công tác quyết toán vốn đầu tư đã được chấp hành tương đối nghiêm túc, tuy vậy vẫn còn một số chủ đầu tư chưa nghiêm túc thực hiện công tác quyết toán vốn đầu tư, nhất là khối xã, phường.

Tuy vậy trong công tác quản lý tài chính ngân sách còn một số tồn tại như sau:

- Do tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nên thu ngân sách nhà nước ở một số lĩnh vực thu còn đạt thấp; chi đầu tư phát triển chủ yếu dựa vào nguồn thu tiền sử dụng đất nên tính bền vững không cao, những tháng đầu năm nguồn thu tiền sử dụng đất đạt thấp nên ảnh hưởng lớn đến việc điều hành thực hiện dự toán từ nguồn vốn này.

Năm 2013, thực hiện hướng dẫn của Chính phủ, của UBND tỉnh, trong quá trình giao dự toán cho các cơ quan đơn vị, thị xã đã thực hiện trừ tiết kiệm 20% chi thường xuyên (trừ lương và các khoản có tính chất lương) để thực hiện cải cách tiền lương, an sinh xã hội; đồng thời thực hiện Chỉ thị 09/CT-TTg ngày 24/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách nhà nước năm 2013 tiếp tục thực hiện tiết kiệm thêm 10% dự toán chi thường xuyên còn lại của 7 tháng cuối năm. Điều này đã gây khó khăn và ảnh hưởng lớn đến nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

- Công tác quản lý quản lý tài chính ngân sách ở trường học, các xã, phường còn hạn chế; năng lực đội ngũ của cán bộ kế toán ngân sách xã, phường còn yếu cho nên đã ảnh hưởng đến công tác quản lý, sử dụng và điều hành ngân sách nhà nước ở cấp xã, phường.

PHẦN II

PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014

Căn cứ Thông tư số 90/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Công văn số 2117/STC-QLNS ngày 29/8/2013 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2014;

Căn cứ Thông báo số 2692/STC-QLNS ngày 17/10/2013 của Sở Tài chính về giao số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2014.

Năm 2014 là năm thứ tư của thời kỳ ổn định ngân sách 2011 – 2015, là năm toàn thị xã nỗ lực phấn đấu toàn diện trên nhiều lĩnh vực để hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, từng bước nâng cao vai trò và vị thế mới của thị xã Hương Trà, góp phần đưa tỉnh nhà sớm trở

thành Thành phố trực thuộc Trung ương theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 25/5/2009 của Bộ Chính trị. Do đó, việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước phải bao quát hết các nhiệm vụ chi, bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 và giai đoạn 2013-2015; quan tâm hơn công tác đầu tư cho các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm; bảo đảm thực hiện tốt các chế độ chính sách mới phát sinh; mặt khác định mức chi phải trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

Ủy ban nhân dân thị xã dự kiến phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2013 như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2014:

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2014 là 102,976 tỷ đồng

Bao gồm:

-Các khoản giao huyện thu: 75,066 tỷ đồng

-Các khoản Cục thuế trực tiếp thu: 22,6 tỷ đồng

-Các khoản thu được để lại quản lý qua ngân sách nhà nước: 5,31 tỷ đồng

(Có chi tiết kèm theo)

II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2014:

Căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng năm 2014; căn cứ các quy định về nhiệm vụ chi ngân sách; căn cứ các chính sách chế độ về quản lý tài chính ngân sách của nhà nước hiện hành. UBND thị xã trình HĐND phương án phân bổ ngân sách nhà nước thị xã Hương Trà năm 2014 như sau:

1. Nguyên tắc, căn cứ phân bổ.

-Việc phân bổ và giao dự toán thu ngân sách trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2013; căn cứ các Luật thuế, các chế độ thu; khả năng phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh.

-Việc phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các đơn vị, các phường, xã theo quy định của Luật NSNN. Năm 2014 là năm thứ tư của thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2011-2015. Việc xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước thực hiện theo định mức đã được quy định theo QĐ số 48/2010/QĐ-UBND ngày 20 /12/2010 của UBND tỉnh; các chế độ chính sách mới phát sinh của nhà nước như tiền lương tăng thêm theo NĐ số 66/2013/NĐ-CP; hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở mầm non theo QĐ số 239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; phụ cấp công vụ theo NĐ số 34/2012/NĐ-CP; phụ cấp Đảng, đoàn thể theo hướng dẫn số 05- HD/BTCTW; trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo NĐ số 13/2010/NĐ-CP; trợ cấp chi phí học tập, miễn giảm học phí theo NĐ số 49/2010/NĐ-CP; kinh phí hoạt động của HĐND các cấp theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh...

Các phường, xã căn cứ nhiệm vụ thu được giao năm 2014, tỷ lệ phân chia nguồn thu phân ngân sách phường, xã được hưởng theo quy định tại Quyết định số 49/2010/QĐ-UBND ngày 20/12/2010 của UBND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia giữa ngân sách các cấp và số bổ sung từ ngân sách thị xã để xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương cấp mình.

-Việc phân bổ ngân sách phải đảm bảo kinh phí để góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh theo Nghị quyết Đại hội

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ, PHƯỜNG, XÃ NĂM 2014

(Kèm theo Báo cáo số 1194/BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND thị xã Hương Trà)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Tổng chi NS Tỉnh giao 2014	Tổng chi NS thị xã giao 2014	Trong đó:	
				NS thị xã	NS Phường, Xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH (A+B+C)	286.000	291.000	231.643	59.357
A	TỔNG CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH		275.190	217.133	58.057
1	Chi đầu tư phát triển	30.000	35.000	21.000	14.000
	- Tiền SDD thị xã quản lý	30.000	35.000	21.000	14.000
2	Chi sự nghiệp kinh tế		11.355	9.915	1.440
	- Sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi		1.950	1.500	450
	- Sự nghiệp giao thông		2.450	2.000	450
	- Kiến thiết thị chính		4.090	3.550	540
	- Sự nghiệp khuyến công, làng nghề		100	100	
	- Hỗ trợ xúc tiến đầu tư Thương mại và dịch vụ		50	50	
	- Sự nghiệp môi trường và thu gom xử lý rác thải	2.715	2.715	2.715	
3	Sự nghiệp Khoa học công nghệ	400	400	400	
4	Sự nghiệp giáo dục - Đào tạo	135.022	135.780	135.240	540
	+ Sự nghiệp giáo dục		134.362	134.362	
	+ Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị		660	660	
	+ Trung tâm học tập cộng đồng		164		164
	+ Sự nghiệp đào tạo		594	218	376
5	Sự nghiệp y tế		240		240
6	Sự nghiệp Văn hóa thông tin Thể dục Thể thao		1.763	800	963
7	Sự nghiệp Truyền thanh		362	170	192
8	Sự nghiệp đảm bảo xã hội		11.862	11.393	469
9	Chi QLHC (Bao gồm: Đảng + Đoàn thể)		60.988	23.209	37.779
10	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của tỉnh để thực hiện các chế độ chính sách		9.201	9.201	
11	Chi hỗ trợ An ninh - Quốc phòng		2.158	720	1.438
12	Chi khác		381	221	160
13	Dự phòng ngân sách	5.700	5.700	4.864	836
B	CÁC KHOẢN CHI TỪ NGUỒN ĐỂ LẠI	5.310	5.310	4.010	1.300
	- Chi từ nguồn thu học phí	4.010	4.010	4.010	
	- Thu nhân dân đóng góp	1.300	1.300		1300
C	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	10.500	10.500	10.500	

- Dự toán chi đã bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên (trừ lương, phụ cấp lương và các khoản theo lương) để huy động nguồn cải cách tiền lương.

- Dự toán chi đã bao gồm KP thực hiện Luật Ban Giám sát Cộng đồng, Trung tâm học tập cộng đồng Tổ dân phố, ban tổ BVDP, Trường ban CTMT, tổ chức cơ sở đảng theo QĐ số 99-QĐ/BCHTW các Chi hội thuộc các tổ chức CTXH thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo TT số 49/2012/TT-BTC

Biểu số: 01/DT

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ NĂM 2014
(Kèm theo Báo cáo số 1194/BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND TX Hương Trà)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán Tỉnh giao năm 2014	Dự toán Thị xã giao năm 2014	%DT TX /DT Tỉnh
	TỔNG SỐ (I+II+III)	97.976	102.976	105,1
I	Các khoản giao Thị xã, phường, xã thu	70.066	75.066	107,1
1	Thu ngoài quốc doanh	27.000	27.000	100
	<i>Trong đó: Cty TNHH, Cty cổ phần</i>	6.800	6.800	100
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.850	1.850	100
3	Thu tiền sử dụng đất	30.000	35.000	117
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	286	286	100
5	Tiền thuê đất	400	400	100
	<i>Trong đó: Đất thuộc Tỉnh quản lý</i>	400	400	100
6	Lệ phí trước bạ	5.600	5.600	100
7	Phí, lệ phí	1.130	1.130	100
8	Thu khác ngân sách	200	200	100
9	Thu thường xuyên tại phường, xã	3.600	3.600	100
II	Các khoản Cục Thuế trực tiếp quản lý thu	22.600	22.600	100
1	Các khoản thu NQD do Cục thuế trực tiếp quản lý thu	22.000	22.000	100
	<i>Trong đó: thu từ CTTNHH, CTCP không có vốn NN</i>	22.000	22.000	100
2	Thuế thu nhập cá nhân	600	600	100
III	Các khoản thu để lại quản lý qua ngân sách Nhà nước	5.310	5.310	100
1	Thu học phí trường công lập	4.010	4.010	100
2	Thu huy động nhân dân đóng góp tự nguyện	1.300	1.300	100

Biểu số: 03/DT

**DỰ TOÁN CHI HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP, AN NINH QUỐC PHÒNG,
CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ NĂM 2014**
(Kèm theo Báo cáo số 1194/BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND thị xã Hương Trà)

Đơn: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Biên chế		Chia ra				Tổng dự toán giao đơn vị	Ghi chú
		Chỉ tiêu 2013	Biên chế Thực tế 2013	Lương, phụ cấp, các khoản theo lương	Chi hoạt động thường xuyên	Phân bổ thêm chi hoạt động thường xuyên	Kinh phí khen thưởng		
1	Chi quản lý hành chính Nhà nước	218	205	16.245	3.621	2.881	462	23.209	
1	Chi quản lý Nhà nước	160	150	10.515	2.663	1.560	462	15.200	
1.1	Văn phòng HĐND và UBND	28	25	1.961	448	1.400		3.809	
	Trong đó: Kinh phí HĐND					970		970	Bao gồm kp hoạt động của HĐND thị xã theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh
1.2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	5	5	402	85			487	
1.3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	10	10	672	165	30		867	Kinh phí thuê bao truyền dữ liệu Tabmis
1.4	Phòng Nội vụ	11	9	571	181	20	462	1.234	Gồm kinh phí khen thưởng 462 tr đồng, kinh phí công tác tôn giáo 20 tr
1.5	Phòng Lao động TB&XH	8	8	595	136	20		751	Gồm kphi hđộng vì sự tiên bộ phụ nữ, trẻ em
1.6	Phòng Giáo dục & Đào tạo	11	11	1.006	181			1.187	
1.7	Phòng Tư pháp	5	5	419	85	30		534	Bao gồm k/phí tuyên truyền, phổ biến GDPL văn bản QPPL; công tác đ/kí, q/ly hộ tịch, hộ khẩu 30tr
1.8	Phòng Tài nguyên - MT	13	13	875	214			1.089	Bao gồm phụ cấp cán bộ 1 cửa
1.9	Phòng Y tế	3	3	177	53	30		260	Bao gồm kp khám sức khỏe NVQS, thanh kiểm tra hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh ATTP
1.10	Phòng Quản lý Đô thị	6	5	342	102			444	
1.11	Phòng Văn hóa - Thông tin	8	8	652	136			788	
1.12	Đài truyền thanh	6	6	330	102			432	
1.13	Phòng Kinh tế	15	14	807	248			1.055	
1.14	Trạm Khuyến Nông-Lâm-Ngư	5	5	285	85			370	
1.15	Thanh tra thị xã	6	6	461	102	30		593	Kphi trang cấp thanh tra viên theo định kỳ 30 tr
1.16	Trung tâm Phát triển Quỹ đất	6	6	260	102			362	
1.17	Trung tâm dạy nghề	7	7	484	119			603	
1.18	Đội Quy tắc Quản lý Đô thị	7	4	216	119			335	

2	Khôi Đăng	33	31	3.470	528	1.100	-	5.098	
2.1	Thị ủy	33	31	3.470	528			3.998	
	Kinh phí hoạt động cấp ủy					1.100		1.100	Bao gồm kinh phí phục vụ cấp ủy theo QĐ 3115-QĐ/TW, kinh phí đặc thù do Thường trực quản lý. Phụ cấp cấp ủy viên, KP khám sức khỏe cán bộ định kỳ, phụ cấp Báo cáo viên Thị ủy...
3	UBMT TQVN, Hội, Đoàn thể	25	24	2.260	430	221		2.911	
3.1	UBMT TQVN	7	7	774	119	161		1.054	Bao gồm KP đón tiếp thăm hỏi chúc mừng các đối tượng do UBMTTQVN thị xã quản lý, sinh hoạt phí của Hội người tù yêu nước; chưa có kinh phí Đại hội Mặt trận thị xã
3.2	Hội Nông dân	4	4	444	70	10		524	
3.3	Hội phụ nữ	5	4	404	85	10		499	
3.4	Thị đoàn	5	5	353	85	30		468	
3.5	Hội cựu Chiến binh	3	3	221	53	10		284	
3.6	Hội chữ Thập đỏ	1	1	64	18			82	
II	Chi sự nghiệp Giáo dục - ĐT			122.563	11.799	878		135.240	
1	Sự nghiệp giáo dục			122.563	11.799			134.362	
2	Sự nghiệp Đào tạo					878		878	
	- Trong đó: Trung tâm BDCT					660		660	Kinh phí mở lớp của TT BDCT
III	Sự nghiệp VH-TT-TD-ĐT					970		970	
1	Sự nghiệp Văn hóa TT					500		500	
2	Sự nghiệp truyền thanh					170		170	
3	Sự nghiệp Thể dục Thể thao					300		300	
IV	Sự nghiệp Đảm bảo Xã hội					20.594		20.594	
1	Đảm bảo Xã hội					11.147		11.147	
2	Kinh phí mừng thọ người cao tuổi					246		246	
3	Thực hiện các chế độ chính sách					9.201		9.201	
V	Kinh phí An ninh Quốc phòng					720		720	
	Quốc phòng					468		468	
	An ninh					252		252	
VI	Chi khác					221		221	
	Trong đó:								
	Hội người mù					50		50	Hỗ trợ kinh phí hoạt động
	Hội khuyến học					10		10	Hỗ trợ kinh phí hoạt động
	Hội người tù yêu nước					10		10	Hỗ trợ kinh phí hoạt động
	Hội người cao tuổi					5		5	Hỗ trợ kinh phí hoạt động
	Hội cựu giáo chức					5		5	Hỗ trợ kinh phí hoạt động

Tòa án Nhân dân					20		20	Hỗ trợ kinh phí phối hợp thực hiện nhiệm vụ
Đồn Biên phòng					10		10	Kp phối hợp t/hiện Nhiệm vụ QP địa phương
Trung tâm Y tế					20		20	Kỷ niệm ngày thầy thuốc Việt Nam 27/2
Liên đoàn Lao động thị xã					10		10	Kinh phí khen thưởng học sinh giỏi
Viện kiểm sát Nhân dân thị xã					10		10	Hỗ trợ kinh phí phối hợp thực hiện nhiệm vụ
Ban liên lạc thanh niên xung phong					5		5	Hỗ trợ kinh phí hoạt động
Trung tâm Dân số KH hóa gia đình					20		20	Hỗ trợ kinh phí hoạt động
Hội Đông y					5		5	Hỗ trợ kinh phí hoạt động
Hội Luật gia					10		10	Hỗ trợ kinh phí hoạt động
Hội Nạn nhân chất độc Dacam/Dioxin					10		10	Hỗ trợ kinh phí hoạt động

DỰ TOÀN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG, XÃ NĂM 2014
(Kèm theo Báo cáo số 1194/BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND Thị xã Hương Trà)

Biểu số: 04/DI

STT	Nội dung chi		TÊN XÃ, TT															
	Từ Hà	Hương Vân	Hương Văn	Hương Chí	Hương Xuân	Hương Toàn	Hương Vinh	Hương Hộ	Hương An	Hương Hải	Hương Phong	Hương Thọ	Bình Điện	Hương Bình	Bình Thành	Hương Tiên	Tổng	
	6.318	5.273	3.248	3.729	3.963	3.602	3.771	3.837	3.490	2.555	2.982	3.086	3.114	2.546	2.973	2.126	58057	
I	3.480	2.400	400	800	1.200	1.200	1.200	1.200	800	200	400	400	400	120	200	-	14000	
II	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1440	
IV	2.529	2.537	2.552	2.602	2.434	2.100	2.276	2.703	2.385	2.058	2.305	2.392	2.424	2.151	2.458	1.873	31779	
V	33	33	35	33	33	35	35	33	33	35	35	33	33	33	33	31	540	
VI	53	59	53	59	62	56	47	65	47	38	38	50	47	41	53	35	803	
VII	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	12	192	
VIII	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	160	
IX	22	38	22	37	38	22	22	37	47	37	22	22	22	22	37	22	469	
X	98	103	83	93	96	95	94	92	88	84	84	89	88	84	91	76	1438	
XI	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	15	240	
XII	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	160	
XIII																	836	

Ghi chú : Dự toán chi ngân sách Phường, Xã năm 2014:

- Đã bao gồm : + Kinh phí hoạt động của UBND Phường, Xã theo QĐ số 35/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

+ Kinh phí thực hiện Luật Dân Quan tư về (Kể cả kinh phí mua bảo chi của phường đối, xã đối).

+ Kinh phí hoạt động của Ban Giám sát đầu tư Công đồng theo QĐ số 80/2005/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ.

+ Kinh phí hoạt động của Trung tâm học tập Công đồng.

+ Kinh phí phụ cấp Bí thư Chi bộ, là DP, Ban- là BVDP, Trường ban CTMT

+ Kinh phí hoạt động của tổ chức cơ sở đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TV của Ban chấp hành Trung ương

+ Kinh phí hoạt động của Chi hội thuộc các tổ chức Chính trị-xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính

+ Kinh phí thu lao các hội đặc thù theo Quyết định số 529/QĐ-UBND của UBND tỉnh

+ Kinh phí về chế độ, chính sách đối với dân quân tư về theo Quyết định số 22/2013/QĐ-UBND của UBND tỉnh

+ Kinh phí chính sách trợ cấp theo Nghị định 118/2010/NĐ-CP của Chính phủ

- Chưa bao gồm : + Kinh phí 10% tiết kiệm chi thường xuyên để huy động làm lương

+ Kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để bù lại chi cách tiền lương và các chi sách an sinh xã hội theo Quyết định số 2356/QĐ/UBND ngày 13/12/2012 của UBND tỉnh

+ Yêu cầu UBND các phường, xã có trách nhiệm thực hiện việc tiết kiệm trước khi phân bổ ngân sách cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện các cách tiền lương và chính sách an sinh xã hội theo Quy định của Chính phủ và Quyết định của UBND tỉnh.

DVT: Triệu đồng

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH CÁC PHƯỜNG, XÃ NĂM 2014
(PHÂN PHƯỜNG, XÃ ĐƯỢC HƯỞNG ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI)**

(Kèm theo Báo cáo số 1194/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND Thị xã Hương Trà)

Đơn vị: 1000 đồng

Stt	Đơn vị	Tổng thu thường xuyên phường, xã hưởng 100%	Tổng thu phí + lệ phí cấp phường, xã hưởng 100%	Thuế MB phường, xã hưởng 100%	Thuế GTGT+TNDN			Thuế sử dụng đất phi NN phường, xã hưởng 100%	Thuế trước bạ phường, xã hưởng 100%	Thu tiền SDD			Thuế thu nhập cá nhân			Thu khác ngân sách xã hưởng 100%	Tổng các khoản thu cân đối NS phường, xã	Ghi chú
					Tổng	Tỷ lệ phân chia %				Tổng	Tỷ lệ phân chia %		Tổng	Tỷ lệ phân chia %				
						Thị xã 50%	Phường, Xã 50%				Thị xã 60%	Phường, Xã 40%		Thị xã 50%	Phường, Xã 50%			
1	Từ Hạ	230,0	170,0	112,0	1.400,0	700,0	700,0	47,2	70,0	8.700,0	5.220,0	3.480,0	70,0	35,0	35,0	20,0	4.864,2	
2	Hương Vân	210,0	90,0	57,0	371,0	185,5	185,5	20,1	42,0	6.000,0	3.600,0	2.400,0	50,0	25,0	25,0	20,0	3.049,6	
3	Hương Vân	210,0	90,0	13,0	78,0	39,0	39,0	19,4	6,0	1.000,0	600,0	400,0	15,0	7,5	7,5	10,0	794,9	
4	Hương Chũ	200,0	90,0	28,0	230,0	115,0	115,0	24,0	20,0	2.000,0	1.200,0	800,0	25,0	12,5	12,5	20,0	1.309,5	
5	Hương Xuân	240,0	50,0	24,0	165,0	82,5	82,5	6,0	25,0	3.000,0	1.800,0	1.200,0	15,0	7,5	7,5	10,0	1.940,5	
6	Hương Toàn	460,0	65,0	33,0	260,0	130,0	130,0	20,0	15,0	3.000,0	1.800,0	1.200,0	15,0	7,5	7,5	10,0	1.981,0	
7	Hương Vinh	320,0	90,0	48,0	400,0	200,0	200,0	63,0	25,0	3.000,0	1.800,0	1.200,0	30,0	15,0	15,0	20,0	1.981,0	
8	Hương Hồ	80,0	90,0	38,0	375,0	187,5	187,5	14,0	10,0	2.000,0	1.200,0	800,0	15,0	7,5	7,5	10,0	1.237,0	
9	Hương An	220,0	90,0	23,0	265,0	132,5	132,5	6,0	15,0	2.000,0	1.200,0	800,0	20,0	10,0	10,0	20,0	1.316,5	
10	Hải Dương	20,0	60,0	10,0	55,0	27,5	27,5	6,0	4,0	500,0	300,0	200,0	5,0	2,5	2,5	10,0	340,0	
11	Hương Phong	1.150,0	85,0	23,0	125,0	62,5	62,5	12,2	12,0	1.000,0	600,0	400,0	5,0	2,5	2,5	10,0	1.757,2	
12	Hương Thọ	130,0	80,0	16,0	450,0	225,0	225,0	4,5	6,0	1.000,0	600,0	400,0	5,0	2,5	2,5	10,0	874,0	
13	Bình Điền	90,0	50,0	56,0	620,0	310,0	310,0	9,0	10,0	1.000,0	600,0	400,0	20,0	10,0	10,0	10,0	945,0	
14	Hương Bình	20,0	10,0	13,0	90,0	45,0	45,0	3,0	1,0	300,0	180,0	120,0	5,0	2,5	2,5	5,0	219,5	
15	Bình Thành	20,0	10,0	11,0	65,0	32,5	32,5	3,0	3,0	500,0	300,0	200,0	5,0	2,5	2,5	5,0	287,0	
16	Hồng Tiến	-	10,0	-	-	-	-	0,2	-	-	-	-	-	-	-	-	10,2	
	Tổng cộng:	3.600,0	1.130,0	505,0	4.949,0	2.474,5	2.474,5	257,6	264,0	35.000,0	21.000,0	14.000,0	300,0	150,0	150,0	200,0	22.581,1	

**DỰ TOÀN THU NGÂN SÁCH CÁC PHƯỜNG, XÃ TRÊN ĐỊA BÀN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ NĂM 2014**

(Kèm theo Báo cáo số 1194/BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND thị xã Hương Trà)

Đơn: Triệu đồng

Stt	Phường, xã	Tổng thu thường xuyên	Tổng thu phí + lệ phí cấp phường, xã	Thu ngoài quốc doanh			Thuế sử dụng đất phi NN	Thuế trước bạ	Thu tiền SDD	Thuế thu nhập cá nhân	Thu khác ngân sách	A. Tổng thu các khoản giao phường, xã	Ghi chú
				Thuế môn bài	TNDN	GTGT ngoài QĐ							
1	Từ Hà	230,0	170,0	112,0	1.400,0	1.512,0	47,2	70,0	8.700,0	70,0	20,0	10.819,2	
2	Hương Văn	210,0	90,0	57,0	371,0	428,0	20,1	42,0	6.000,0	50,0	20,0	6.860,1	
3	Hương Văn	210,0	90,0	13,0	78,0	91,0	19,4	6,0	1.000,0	15,0	10,0	1.441,4	
4	Hương Châu	200,0	90,0	28,0	230,0	258,0	24,0	20,0	2.000,0	25,0	20,0	2.637,0	
5	Hương Xuân	240,0	50,0	24,0	165,0	189,0	6,0	25,0	3.000,0	15,0	20,0	3.545,0	
6	Hương Toàn	460,0	65,0	33,0	260,0	293,0	20,0	15,0	3.000,0	15,0	10,0	3.878,0	
7	Hương Vinh	320,0	90,0	48,0	400,0	448,0	63,0	25,0	3.000,0	30,0	20,0	3.996,0	
8	Hương Hồ	80,0	90,0	38,0	375,0	413,0	14,0	10,0	2.000,0	15,0	10,0	2.632,0	
9	Hương An	220,0	90,0	23,0	265,0	288,0	6,0	15,0	2.000,0	20,0	20,0	2.659,0	
10	Hải Dương	20,0	60,0	10,0	55,0	65,0	6,0	4,0	500,0	5,0	10,0	670,0	
11	Hương Phong	1.150,0	85,0	23,0	125,0	148,0	12,2	12,0	1.000,0	5,0	10,0	2.422,2	
12	Hương Thọ	130,0	80,0	16,0	450,0	466,0	4,5	6,0	1.000,0	5,0	10,0	1.701,5	
13	Bình Điền	90,0	50,0	56,0	620,0	676,0	9,0	10,0	1.000,0	20,0	10,0	1.865,0	
14	Hương Bình	20,0	10,0	13,0	90,0	103,0	3,0	1,0	300,0	5,0	5,0	447,0	
15	Bình Thành	20,0	10,0	11,0	65,0	76,0	3,0	3,0	500,0	5,0	5,0	622,0	
16	Hồng Tiến	-	10,0	-	-	-	0,2	-	-	-	-	10,2	
	Tổng cộng:	3.600,0	1.130,0	505,0	4.949,0	5.454,0	257,6	264,0	35.000,0	300,0	200,0	46.205,6	

**DỰ TOÁN THU CẬN ĐỘI NGÂN SÁCH CÁC PHƯỜNG, XÃ TRÊN ĐỊA BÀN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ NĂM 2014**

(Kèm theo Báo cáo số 1194/BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2013 của UBND thị xã Hương Trà)

Biên số: 01C/DT

Đvt: triệu đồng

STT	Phường, Xã	CÁC KHOẢN THU CẬN ĐỘI NS XÃ, TT											Tổng thu
		Chia ra											
A	B	1	2=3->8	3	4	5	6	7	8	9=10+11	10	11	12
1	Tư Hà	6.318,3	4.864,2	400,0	229,2	700,0	35,0	3.480,0	20,0	1.454,1	10	11	120,0
2	Hương Vân	5.273,3	3.049,6	300,0	119,1	185,5	25,0	2.400,0	20,0	2.223,7	10	11	100,0
3	Hương Vân	3.248,3	794,9	300,0	38,4	39,0	7,5	400,0	10,0	2.453,4	10	11	80,0
4	Hương Chữ	3.729,3	1.309,5	290,0	72,0	115,0	12,5	800,0	20,0	2.419,8	10	11	90,0
5	Hương Xuân	3.963,3	1.655,0	290,0	55,0	82,5	7,5	1.200,0	20,0	2.308,3	10	11	100,0
6	Hương Toàn	3.602,3	1.940,5	525,0	68,0	130,0	7,5	1.200,0	10,0	1.661,8	10	11	100,0
7	Hương Vinh	3.771,3	1.981,0	410,0	136,0	200,0	15,0	1.200,0	20,0	1.790,3	10	11	100,0
8	Hương Hồ	3.837,3	1.237,0	170,0	62,0	187,5	7,5	800,0	10,0	2.600,3	10	11	90,0
9	Hương An	3.490,3	1.316,5	310,0	44,0	132,5	10,0	800,0	20,0	2.173,8	10	11	100,0
10	Hải Dương	2.555,3	340,0	80,0	20,0	27,5	2,5	200,0	10,0	2.215,3	10	11	80,0
11	Hương Phong	2.982,3	1.757,2	1.235,0	47,2	62,5	2,5	400,0	10,0	1.225,1	10	11	90,0
12	Hương Thò	3.086,3	874,0	210,0	26,5	225,0	2,5	400,0	10,0	2.212,3	10	11	90,0
13	Bình Diên	3.114,3	945,0	140,0	75,0	310,0	10,0	400,0	10,0	2.169,3	10	11	60,0
14	Hương Bình	2.546,3	219,5	30,0	17,0	45,0	2,5	120,0	5,0	2.326,8	10	11	50,0
15	Bình Thành	2.973,3	287,0	30,0	17,0	32,5	2,5	200,0	5,0	2.686,3	10	11	50,0
16	Hồng Tiến	2.126,3	10,2	10,0	0,2	-	-	-	-	2.116,1	10	11	-
Tổng cộng		56.617,0	22.581,1	4.730,0	1.026,6	2.474,5	150,0	14.000,0	200,0	34.035,9	34.035,9	-	1.300,0

**CHỈ TIÊU THU QUỸ AN - QP CÁC PHƯỜNG, XÃ
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ NĂM 2014**

(Kèm theo Báo cáo số 1194/BC-UBND ngày 13/12/2013 của UBND Thị xã Hương Trà)

STT	Phường, xã	Dân số của địa phương (người)	Số lao động phải đóng góp (lao động) (01)	Mức đóng góp 1 lao động / năm (ngàn đồng)	Thành tiền (ngàn đồng)
1	Phường Tứ Hạ	7.729	3.000	15	45.000
2	Phường Hương Văn	7.995	3.750	15	56.250
3	Phường Hương Vân	6.069	2.375	15	35.625
4	Phường Hương Xuân	7.682	3.125	15	46.875
5	Phường Hương Toàn	12.768	4.913	12	58.950
6	Phường Hương Chũ	9.281	2.750	15	41.250
7	Phường Hương An	5.591	2.500	15	37.500
8	Phường Hương Hồ	9.206	3.375	15	50.625
9	Xã Hương Vinh	12.973	4.375	12	52.500
10	Xã Hương Phong	10.025	3.600	12	43.200
11	Xã Hải Dương	6.537	2.400	12	28.800
12	Xã Hương Thọ	4.780	2.000	7	14.000
13	Xã Bình Điền	3.731	1.600	7	11.200
14	Xã Bình Thành	3.941	1.200	7	8.400
15	Xã Hương Bình	2.750	1.300	7	9.100
16	Xã Hồng Tiên	1.049	171	7	1.200
Tổng cộng		112.107	42.434		540.475

Ghi chú:

- (01): Đã loại trừ các đối tượng trong độ tuổi lao động được miễn, giảm và tạm hoãn theo quy định./.